

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DS-ST
Ngày: 22 – 02 - 2019
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Mộng Dung;
2. Ông Lý Vĩnh Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2018/TLST - DS ngày 17 tháng 7 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Châu Đức Th, sinh năm 1951; địa chỉ: Tổ 15, khóm H, phường C, thành phố D, tỉnh An Giang; có ông Lâm Kim H, sinh năm 1947; địa chỉ: số W, tổ 16, đường T, khóm V, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang, đại diện theo giấy ủy quyền số 206/2018, ngày 07/8/2018.

Bị đơn: Bà Trần Thị Ngh, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 262, tổ 15, khóm H, phường C, thành phố D, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Châu Thanh Nh, sinh năm 2000; địa chỉ: Số 263, tổ 15, khóm H, phường C, thành phố D, tỉnh An Giang.

Ông Hồng, ông Th và bà Ngh có mặt tại phiên tòa; chị Nh có yêu cầu xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Châu Đức Th trình bày: Bà Trần Thị Ngh có vay tiền của ông Th 03 (ba) lần, cụ thể:

- Lần 01 vào ngày 13/01/2017, bà Ngh vay của ông Th 5.000.000 (năm triệu) đồng, thời hạn trả vốn 12 tháng, lãi suất 01 ngày là 30.000 (ba mươi nghìn) đồng. Bà Ngh đóng lãi được 01 tháng là 900.000 (chín trăm nghìn) đồng rồi ngưng, có biên nhận nợ.

- Lần 02 vào ngày 20/5/2017, bà Ngh vay của ông Th 4.000.000 (bốn triệu) đồng, thời hạn trả vốn là 01 tuần vào ngày 27/5/2017, lãi suất 01 tuần là 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng. Bà Ngh đóng lãi được 01 tuần rồi ngưng, không hoàn vốn như cam kết, có biên nhận.

- Lần 03 vào ngày 22/7/2017 bà Ngh vay của ông Th 10.000.000 (mười triệu) đồng, thời hạn trả vốn ngày 22/8/2017, lãi suất 01 tháng là 1.000.000 (một triệu) đồng, nhưng bà Ngh không đóng lãi lần nào, có biên nhận.

Nay ông Th khởi kiện yêu cầu bà Ngh trả số tiền vốn gốc tổng cộng là 19.000.000 (mười chín triệu) đồng và lãi suất theo pháp luật quy định kể từ ngày vay theo các biên nhận nợ.

Kèm theo đơn khởi kiện, bản tự khai, ông Th cung cấp các tài liệu và chứng cứ đã nêu tại biên bản phiên họp về kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 14/12/2018.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Trần Thị Ngh trình bày: Vào năm 2016, bà Ngh có vay 02 (hai) lần tiền của ông Th nhưng đến ngày 26/3/2017 ả thì trả dứt, từ đó đến nay không có vay tiền của ông Th nữa. Bà Ngh xác định các biên nhận mà ông Th đã nộp cho Tòa án bà không có viết và ký tên. Bà Ngh cho rằng ông Th kiện bà ra Tòa án là do có mâu thuẫn với bà vì ông Th có yêu cầu bà làm chứng cho việc mâu thuẫn của gia đình ông nhưng bà Ngh không đồng ý nên ông Th đã tiếp tục kiện bà ra Tòa.

Bà Ngh không cung cấp thêm tài liệu và chứng cứ nào khác chứng minh việc không có vay tiền của ông Th.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Châu Thanh Nh trình bày: 03 (ba) biên nhận nợ ngày 13/01/2017, 20/5/2017 và 22/7/2017 mà ông Th nộp theo đơn khởi kiện là do chính chị Nh ghi. Các lần ông Th cho bà Ngh vay giao tiền tại nhà ông Th vào buổi chiều (khoảng 5-6 giờ chiều). Chị Nh là người chứng kiến việc giao nhận tiền, bà Ngh ký vào các biên nhận sau khi ông Th giao đủ tiền. Chị Nh xác định tờ cam kết vay tiền ngày 22/7/2017, chữ ký “Ngh” là của bà Ngh ký, chữ ghi “Trần Thị Ngh” là của chị Nh ghi; tờ vay tiền theo thỏa thuận ngày 20/5/2017 và hợp đồng vay mượn tín chấp ngày 13/01/2017 có chữ ký “Ngh” và chữ ghi “TRẦN THỊ NGH” là do bà Ngh viết. Khi bà Ngh vay tiền của ông Th, bà Ngh có đề xuất mức lãi cụ thể: Lần 01 (ngày 13/01/2017) lãi là 30.000 (ba mươi nghìn) đồng/ngày; lần 02 (ngày 20/5/2017) lãi là 700.000 (bảy trăm nghìn)

đồng/ tuần; lần 3 (ngày 22/7/2017) lãi là 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng, ông Th có nhận tiền lãi của bà Ngh trả nhưng không nhớ bao nhiêu lần và trả lãi của khoản vay nào. Chị Nh xác định bà Ngh chỉ đóng lãi, chưa trả vốn vay cho ông Th.

Ngoài ra, chị Nh không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh việc ông Th cho bà Ngh vay tiền.

Tòa án đã mở phiên hòa giải nhưng không tiến hành được do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nh có yêu cầu vắng mặt hòa giải. Đồng thời, ông Th và bà Ngh cũng không thống nhất về việc vay tiền theo các biên nhận nợ ngày 13/01/2017, 20/5/2017 và 22/7/2017.

* Tại phiên tòa,

- *Ý kiến của phía nguyên đơn:* ông Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bà Trần Thị Ngh trả số tiền vốn vay tổng cộng là 19.000.000 (mười chín triệu) đồng theo các biên nhận nợ ngày 13/01/2017, 20/5/2017 và 22/7/2017; tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay theo các biên nhận nợ; xác định không yêu cầu giám định đối với chữ ký, chữ viết của bà Trần Thị Ngh trên các biên nhận nợ; đồng thời xác định đã cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp bổ sung.

- *Ý kiến của bị đơn bà Trần Thị Ngh trình bày:* Bà Ngh xác định không có vay tiền của ông Th theo 03 biên nhận nợ ngày 13/01/2017, ngày 20/5/2017, ngày 22/7/2017 mà ông Th đã cung cấp; xác định không có ký tên và viết tên vào các biên nhận nợ trên; xác định không yêu cầu giám định đối với chữ ký và chữ viết trên biên nhận mà ông Th khởi kiện; đồng thời xác định không có cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

* Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Năm 2015, 2016 ông Th có cho bà Ngh vay tiền nhiều lần và đã được thanh toán xong, điều này được thể hiện qua lời khai của ông Th, bà Ngh và phù hợp với lời khai của bà Ph.

Đối với khoản vay năm 2017, ông Th cho rằng bà Ngh vay tiền của ông 3 lần tổng số tiền vay là 19.000.000 đồng, có lập biên nhận do bà Nh (con ông Th) viết và bà Ngh có ký tên vào các biên nhận nợ. Vào ngày 10/10/2017, ông Th

khởi kiện bà Ngh về tranh chấp vay tài sản Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc đã thụ lý. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có trưng cầu giám định đối với chữ ký của bà Ngh. Tuy nhiên, kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang kết luận do mẫu so sánh ít, không cùng thời điểm nên không đủ cơ sở để kết luận chữ ký, chữ viết có phải do cùng một người viết ra hay không. Sau đó, ông Th rút yêu cầu khởi kiện nên Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

Đến ngày 09/7/2018, ông Châu Đức Th tiếp tục khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Ngh trả cho ông số tiền vay 19.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/8/2018, ông Th có đơn yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết trong biên nhận nợ nhưng đến ngày 23/11/2018 ông Th có lời khai rút yêu cầu giám định.

Việc vay nợ giữa ông Th và bà Ngh ngoài lời khai của ông Th, bà Nh (con ông Th) thì không ai chứng kiến sự việc trên. Mặt khác, các biên nhận nợ do ông Th cung cấp cũng không thể xác định chữ ký trên biên nhận nợ có phải là của bà Ngh hay không. Bà Ngh không thừa nhận và xác định không ký tên vào các biên nhận nợ do ông Th cung cấp. Do đó, việc ông Th yêu cầu bà Ngh trả số nợ 19.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật là không có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền:* Bị đơn bà Trần Thị Ngh có đăng ký hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống tại số 262, tổ 15, khóm H, phường C, thành phố D, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc thụ lý, giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thời hiệu khởi kiện:* theo trình bày của ông Th hợp đồng vay tài sản được xác lập vào ngày 13/01/2017, ngày 20/5/2017 và ngày 22/7/2017. Đến ngày 09/7/2018, ông Th nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] *Về việc vắng mặt đương sự:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Châu Thanh Nh vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về khoản nợ vay và tiền lãi:

Ông Châu Đức Th khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Ngh trả vay vốn tổng cộng là 19.000.000 (mười chín triệu) đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ khi vay, thể hiện ở các biên nhận nợ ngày 13/01/2017, ngày 20/5/2017, ngày 22/7/2017 có chữ ký và chữ viết ghi tên của bị đơn.

Bà Trần Thị Ngh cho rằng bà chỉ vay tiền của ông Th vào năm 2016, nhưng đã thanh toán xong vào ngày 26/3/2017 âm lịch, có bà Lê Thị Ph biết. Từ đó cho đến nay bà Ngh không có vay tiền nào của ông Th lần nào nữa. Bà Ngh xác định trên các biên nhận nợ mà ông Th cung cấp không phải chữ ký và chữ viết của bà Ngh.

Theo biên bản xác minh ngày 02/8/2018, bà Lê Thị Ph trình bày: Việc bà Ngh vay tiền của ông Th vào các biên nhận ngày 13/01/2017, 20/5/2017, 22/7/2017 thì bà Ph không biết. Nhưng khoảng tháng 3/2017, bà Ph có cho bà Ngh mượn số tiền 7.800.000 (bảy triệu, tám trăm nghìn) đồng, bà Ngh nói rằng mượn tiền để trả cho ông Th, bà Ph đồng ý và cùng với bà Ngh đến nhà ông Th để trả tiền, bà Ph là người trực tiếp giao tiền cho ông Th. Sau đó, bà Ngh có vay tiền của ông Th nữa hay không bà Ph không biết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định vào năm 2016, bà Ngh có vay tiền của ông Th nhưng đã thanh toán xong như lời trình bày của bà Ngh, bà Ph. Sau đó, bà Ngh có vay thêm tiền của ông Th thể hiện ở 03 biên nhận nêu trên. Phía nguyên đơn không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà Ngh trên 03 biên nhận nêu trên nhưng xác định khi nhìn bằng mắt thường đối với các chữ ký “Ngh” và chữ viết “Trần Thị Ngh” trên 03 biên nhận nợ ngày 13/01/2017, 20/5/2017 và 22/7/2017 là của bà Ngh nên xác định Ngh có vay tiền của ông Th thì phải có trách nhiệm trả nợ.

Theo khoản 1 Điều 2 Luật Giám định tư pháp năm 2012, đối với việc giám định tư pháp vụ việc dân sự phải do người giám định tư pháp sử dụng kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học, kỹ thuật, Nghiệp vụ để kết luận về chuyên môn. Do đó, để xác định chữ ký, chữ viết trong 03 biên nhận nợ: Hợp đồng vay mượn tín chấp ngày 13/01/2017, Tờ vay tiền theo thỏa thuận ngày 20/5/2017, Tờ cam kết vay tiền ngày 22/7/2017 mà ông Th cung cấp cho Tòa án có phải do bà Ngh ký và viết ra hay không phải do Cơ quan chuyên môn xác định.

Năm 2017, ông Th đã khởi kiện bà Ngh đòi trả số tiền 19.000.000 đồng và cung cấp tài liệu chứng cứ là các biên nhận nợ trên. Theo yêu cầu của ông Th, Tòa án đã trưng cầu giám định. Tuy nhiên, tại Kết luận số 233/KLGT-PC54 ngày 01/5/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang đã kết luận về đối tượng giám định là không đủ cơ sở để kết luận chữ ký và chữ viết tên Trần Thị Ngh trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký và chữ viết của Trần Thị Ngh trên các tài liệu mẫu so sánh có phải do cùng một người ký và viết ra hay không. Sau đó, ông Th đã rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân thành phố

Châu Đốc đã đình chỉ giải quyết vụ án. Đến tháng 7 năm 2018, ông Th tiếp tục khởi kiện bà Ngh và cung cấp chính các biên nhận nợ trên để làm căn cứ khởi kiện.

Việc nguyên đơn không yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết nhưng lại khẳng định chữ viết và chữ ký tên trong các biên nhận trên là của bà Ngh là không có căn cứ chấp nhận.

Ngoài ra, lời khai của Châu Thanh Nh (con của ông Th) xác định có chứng kiến bà Ngh có vay tiền và có ký tên vào các biên nhận như: Hợp đồng vay mượn tín chấp ngày 13/01/2017, Tờ vay tiền theo thỏa thuận ngày 20/5/2017, Tờ cam kết vay tiền ngày 22/7/2017. Tòa án đã tiến hành đối chất giữa các đương sự nhưng phía bà Ngh vẫn không thừa nhận. Ngoài lời khai của bà Nh thì nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh cho việc bà Ngh có vay tiền của ông Th theo 03 biên nhận nợ trên. Do đó, việc ông Th khởi kiện yêu cầu bà Ngh trả vốn vay 19.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay tiền là không có căn cứ chấp nhận.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị Ngh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Yêu cầu của ông Châu Đức Th không được chấp nhận lẽ ra phải chịu án phí nhưng ông Th, sinh năm 1951 là người già trên 60 tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 275 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Châu Đức Th về việc yêu cầu bà Trần Thị Ngh trả số tiền vốn gốc tổng cộng là 19.000.000 (mười chín triệu) đồng theo các biên nhận nợ ngày 13/01/2017, ngày 20/5/2017, ngày 22/7/2017 và tính lãi suất theo pháp luật quy định kể từ ngày vay.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị Ngh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Châu Đức Th được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPCĐ (1);
- Viện kiểm sát tỉnh An Giang (1);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thanh Ngọc